

Bản án số: 23/2024/DS-PT

Ngày 26/9/2024

“*V/v tranh chấp thừa kế tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trường và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 26 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST, ngày 22/5/2024, Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên bị cáo kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐ-PT ngày 01/8/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Ngụy Đoàn T**, sinh năm 1949; địa chỉ: **Thôn Đ, xã Y, thị xã D, tỉnh Hà Nam**. Có mặt.

* Bị đơn: Bà **Ngụy Thị H**, sinh năm 1962; địa chỉ: **Thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Ngụy Văn T1**, sinh năm 1956; địa chỉ: **Căn hộ T, tòa nhà T, chung cư H, phường V, quận H, Hà Nội**. Có mặt.

- Ông **Ngụy Xuân T2**, sinh năm 1959; địa chỉ: **Số A, ngõ F, N, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội**. Có mặt.

- Anh **Giáp Văn C**, sinh năm 1977; nơi cư trú: **Thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**. Có mặt.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông **C** là: Ông **Vũ Văn L** - Luật sư **Công ty L3** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh H**, có mặt.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà **Nguyễn Thị L1** - đã chết) gồm:

+ Anh **Giáp Văn K**, sinh năm 1970; nơi cư trú: **Thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**. Vắng mặt.

+ Chị **Giáp Thị H1**, sinh năm 1972; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: **Tổ B, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội**. Có mặt.

+ Anh **Giáp Văn C**, sinh năm 1977; nơi cư trú: **Thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**. Có mặt.

Người kháng cáo: bị đơn bà **Nguyễn Thị H**, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Giáp Văn C**, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà **Nguyễn Thị L1** - đã chết) chị **Giáp Thị H1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn ông **Nguyễn Đoàn T** trình bày: Bố mẹ ông là cụ ông **Nguyễn Văn T3** (chết năm 1987) và cụ bà **Trần Thị L2** (chết năm 2011) sinh được 06 người con gồm: bà **Nguyễn Thị N** (chết năm 2017 - không có chồng, con); bà **Nguyễn Thị L1** (đã chết năm 2023 - chồng bà **L1** chết trước bà **L1**, bà **L1** có 03 người con gồm: Anh **Giáp Văn K**, chị **Giáp Thị H1**, anh **Giáp Văn C**); ông **Nguyễn Đoàn T**; ông **Nguyễn Văn T1**; ông **Nguyễn Xuân T2** và bà **Nguyễn Thị H**. Khi chết hai cụ không để lại di chúc. Di sản các cụ để lại gồm: Diện tích 756m² đất đã được **UBND thị xã D, tỉnh Hà Nam** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE648306 ngày 20/6/2006 số vào sổ H00296 mang tên cụ **Trần Thị L2** và tài sản trên đất là 01 nhà mái bằng do ông xây dựng năm 1990 được hoàn thiện vào năm 2015. Ngoài ra, trên đất còn có các cây ăn quả do ông trồng từ năm 1986 (trong đó có 01 cây hồng xiêm là di sản thừa kế do cụ **L2** trồng). Tháng 10/2015 thì anh em có cho anh **Giáp Văn C** (là con trai bà **Nguyễn Thị L1**) ở nhờ; từ tháng 5/2019 thì ông không cho anh **C** ở nhờ nữa; tuy nhiên từ năm 2020 đến nay thì anh **C** tự ý chuyển đến ở mà không được sự cho phép của ông (ông đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết lập biên bản nhiều lần). Hiện nay ông vẫn là người đang quản lý diện tích đất và là người nộp thuế đối với thửa đất này từ năm 2012 đến nay, cụ thể thì ông không nhớ. Quá trình quản lý thửa đất thì ông không tôn tạo, san lấp gì chỉ có xây dựng nhà ở trên đất và các công trình phụ trợ. Hiện nay ông đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất này không bị cầm cố, thế chấp gì. Trước khi chết thì hai cụ sống cùng nhau, chủ yếu trên Hà Nội cùng ông **T1**, đến khi già yếu từ khoảng năm 2009 thì cụ **L2** về ở tại thửa đất trên, ba anh em trai góp tiền gửi về cho bà **Nguyễn Thị H** chăm sóc hai cụ, được một thời gian bà **H** không trông nom được cụ **L2** nên đã thuê bà **Nguyễn Thị Q** để chăm sóc cụ **L2** từ cuối năm 2009 đến khi chết. Khi hai cụ chết thì chủ yếu do các anh em trai bỏ chi phí ma chay, cải cát. Về chi phí ma chay, cải cát của hai cụ do ông cùng ông **T2** và ông **T1** bỏ ra khoảng 200.000.000đ. Ông yêu cầu khi

chia thừa kế phải xem xét khoản chi phí ma chay, cải cát này. Trước khi chết hai cụ không để lại nghĩa vụ gì về tài sản.

Nay giữa các đồng thừa kế không thống nhất vì vậy ông yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của hai cụ để lại gồm: Diện tích đất 756m² tại thửa 190 phụ lục 03 thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Do bà N đã chết (không có chồng, con; khi chết cũng không để lại di chúc) nên đối với kỹ phần thừa kế mà bà N được hưởng từ di sản của hai cụ để lại, ông cũng đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bà N theo quy định của pháp luật. Khi chia thừa kế ông xin nhận bằng hiện vật. Đối với tài sản trên đất có 01 cây hồng xiêm do bố mẹ ông trồng và một số cây do ông trồng, ông không yêu cầu chia mà thuộc về phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng. Ngoài ra, ông không yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản nào khác.

Tại Đơn đề nghị ngày 24/8/2023 ông Nguyễn Đoàn T yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu chia thừa kế đối với phần di sản thừa kế mà bố ông là cụ Nguyễn Văn T3 (mất năm 1987) để lại là 1/2 thửa đất số 190, tờ Bản đồ Pl3 thôn Đ, xã T, thị xã D đã hết thời hiệu chia thừa kế, trên đất có 01 ngôi nhà mái bằng do ông xây dựng và ông là người đang quản lý, nộp thuế đối với thửa đất này vì thế ông xin được tiếp tục quản lý, sử dụng đối với phần di sản thừa kế của bố ông để lại đã hết thời hiệu chia thừa kế và xin được nhận phần di sản hết thời hiệu chia thừa kế vào phần đất có 01 ngôi nhà mái bằng mà ông đã xây dựng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Về quan hệ huyết thống, thời điểm cụ T3 và cụ L2 chết, tài sản của hai cụ như nguyên đơn trình bày là đúng. Tuy nhiên về ngôi nhà trên đất thì theo bà vào khoảng năm 1995 các anh chị em có xây dựng 01 nhà mái bằng 3 gian cho cụ L2 sinh sống, khoảng năm 2005 thì ông T có sửa chữa lại và làm thêm mái tầng hai. Sau khi cụ L2 chết thì bà có trông nom nhà cửa của các cụ được khoảng một năm sau đó cho anh Giáp Văn C ở nhờ; hiện trạng thửa đất vẫn như từ khi các cụ còn sống, không ai có san lấp gì; khi các cụ chết không để lại di chúc và cũng không để lại nghĩa vụ gì; về tiền thuế đất sau khi cụ L2 chết năm 2012 thì bà nộp thuế đất, từ năm 2013 đến nay thì do ông T nộp. Trước khi cụ L2 chết thì bà chăm sóc cụ L2 từ cuối năm 2009 đến khi chết, bà không yêu cầu về công chăm sóc cụ L2 trước khi chết. Về chi phí ma chay, cải cát thì do các anh em cùng bỏ ra. Bà không yêu cầu chia thừa kế đối với khoản chi phí ma chay, cải cát này. Nay ông T yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của hai cụ để lại gồm: Diện tích đất 756m² tại thửa 190 phụ lục 03 thôn Đ, xã T, thị xã D thì bà đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông T về việc chia di sản thừa kế của hai cụ để lại, bố mẹ ông có 06 người con như ông T trình bày, khi chết hai cụ không để lại di chúc và có để lại diện tích đất 756m², trên đất có 01 nhà do ông T xây dựng, anh C chỉ được các anh em cho ở nhờ. Khi sống thì cụ T3 và cụ L2 chủ yếu ở cùng ông và do ông chăm sóc, khi gần chết thì mới chuyển về ở tại thửa đất ở Đ, T. Về chi phí ma chay, cải cát của hai cụ do ông cùng ông T và ông T2 bỏ ra khoảng 200.000.000đ. Ông yêu cầu khi chia thừa kế phải xem xét khoản

chi phí ma chay, cải cát này. Do bà **N** đã chết (không có chồng, con; khi chết cũng không để lại di chúc) nên đối với kỹ phần thừa kế mà bà **N** được hưởng từ di sản thừa kế của hai cụ, ông cũng đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế đối với kỹ phần thừa kế của bà **N** theo quy định của pháp luật. Nếu được chấp nhận ông xin nhận bằng hiện vật. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Ngụy Văn T4** trình bày: Ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông **T** về việc chia di sản thừa kế của hai cụ để lại, bố mẹ ông có 06 người con như ông **T** trình bày, khi chết hai cụ không để lại di chúc và có để lại diện tích đất 756m², trên đất có 01 nhà do ông **T** xây dựng, anh **C** chỉ ở nhờ. Khi còn sống thì cụ **T3** và cụ **L2** chủ yếu ở cùng ông **T1** và do ông **T1** chăm sóc, khi gần chết thì mới chuyển về ở tại thửa đất ở **D, T**. Về chi phí ma chay, cải cát của hai cụ do ông cùng ông **T** và ông **T1** bỏ ra khoảng 200.000.000đ. Ông yêu cầu khi chia thừa kế phải xem xét khoản chi phí ma chay, cải cát này cho ông. Do bà **N** đã chết (không có chồng, con; khi chết cũng không để lại di chúc) nên đối với kỹ phần thừa kế mà bà **N** được hưởng từ di sản thừa kế của cụ **L2** và cụ **T3**, ông cũng đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế đối với kỹ phần thừa kế của bà **N** theo quy định của pháp luật. Nếu được chấp nhận ông xin nhận bằng đất để lấy nơi thờ cúng bố mẹ. Ngoài ra, ông không có yêu cầu nào khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh **Giáp Văn C** trình bày: Anh là con bà **Ngụy Thị L1**, là cháu ngoại của cụ **Ngụy Văn T3** và cụ **Trần Thị L2**. Anh ở nhờ nhà của các cụ từ năm 2012, sau khi ở được mấy năm thì anh em trong gia đình xảy ra tranh chấp, đến tháng 5/2020 ông **T** đến tháo dỡ mái tôn và một số cửa nhà và không cho anh ở nhờ nữa. Tuy nhiên anh vẫn ở đó và có làm thêm 01 chuồng bò mái lợp fibroximăng, 01 cửa kính phía trước, 01 mái hiên phía trước, 01 cửa kính ngăn buồng, 01 cửa xếp cửa ngách. Trong thời gian anh ở trên đất thì có một số lần công an đến giải quyết về tranh chấp tháo dỡ nhà. Nay anh yêu cầu khi chia thừa kế phải thanh toán cho anh các tài sản anh đã làm vào ngôi nhà và công trông nom di sản trong thời gian anh đến ở từ năm 2013 đến năm 2019 và từ 2019 đến nay.

* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà **Ngụy Thị L1** - đã chết) anh **Giáp Văn K** trình bày: Anh là con của bà **Ngụy Thị L1** và là cháu ngoại của cụ **Ngụy Văn T3** và cụ **Trần Thị L2**, về việc chia thừa kế của hai cụ thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Nếu được chia thừa kế thì anh xin nhận bằng tiền. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà **Ngụy Thị L1** - đã chết) là chị **Giáp Thị H1** và anh **Giáp Văn C** đã được Tòa án thông báo về việc kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà **Ngụy Thị L1**, triệu tập họp lệ nhiều lần song anh **C** và chị **H1** không đến Tòa án làm việc hay có bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến; chị **H1** chỉ nộp cho Tòa án Đơn đề nghị về việc không tham gia hòa giải ngày 26/01/2024, anh **C** nộp cho Tòa án

01 Đơn đề nghị về việc gia hạn nêu ý kiến quan điểm xong đến nay vẫn không có bất cứ ý kiến gì.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST, ngày 22/5/2024, Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên đã quyết định.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Điều 167 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu xem xét thời hiệu thừa kế của nguyên đơn là ông **Ngụy Đoàn T**:*

1.1. Xác định phần di sản thừa kế cụ **Ngụy Văn T3** (chết năm 1987) là diện tích đất 378m² ONT tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** đã hết thời hiệu chia thừa kế có tứ cận cụ thể:

- + Phía Tây giáp đường thôn dài 11,43m + 1,20m;
- + Phía Đông giáp phần đất thừa kế của cụ **L2** giao cho ông **T** 14,45m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 27,48m;
- + Phía Nam giáp thửa 191 dài 28,33m;

1.2. Giao cho ông **N1 Đoàn T** là người thừa kế đang quản lý thửa đất 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T** được quản lý sử dụng 378m² đất có tứ cận như điểm 1.1 nêu trên; tài sản trên đất gồm 01 nhà mái bằng diện tích 55,2m²; 01 sân lát gạch; trụ công; 01 mái tôn; 01 bể nước; 01 nhà vệ sinh.

2. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn là ông **Ngụy Đoàn T** đối với bị đơn là bà **Ngụy Thị H** về việc chia di sản thừa kế của cụ **Trần Thị L2** và kỹ phần thừa kế của bà **Ngụy Thị N**.*

2.1. Xác định phần di sản của cụ **Trần Thị L2** để chia thừa kế là diện tích đất 378m² ONT tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** trị giá 1.323.000.000đ có tứ cận cụ thể:

- + Phía Tây giáp phần đất hết thời hiệu chia thừa kế của cụ Trương 14,45m;
- + Phía Đông giáp thửa 147 dài 5,19m và giáp thửa 148 dài 10,25m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 25,18m;
- + Phía Nam giáp thửa 191 dài 7,71m và giáp thửa 189 dài 17,57m;

2.2. *Về phân chia di sản thừa kế:* Phần di sản của cụ **L2** và kỹ phần thừa kế của bà **N** được chia cho các đồng thừa kế như sau:

2.2.1. Chia ông **Ngụy Đoàn T**: Diện tích 75,6m² đất ONT trong diện tích đất 378m² tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** có tứ cận:

- + Phía Tây giáp đất đã hết thời hiệu chia thừa kế của cụ **Ngụy Văn T3** 14,45m;

- + Phía Đông giáp đất của ông **Ngụy Văn T1** được chia dài 14,85m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 5,15m;
- + Phía Nam giáp thửa 191 dài 5,16m;

2.2.2. Chia ông **Ngụy Văn T1**: Diện tích 75,6m² đất ONT trong diện tích đất 378m² tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** có tứ cận:

- + Phía Tây giáp đất của ông **Ngụy Đoàn T** được chia dài 14,85m;
- + Phía Đông giáp đất của **Ngụy Xuân T2** được chia dài 14,67m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 5,12m;
- + Phía Nam giáp thửa 191 dài 2,55m + 0,50m và giáp thửa 189 dài 2,54m;

2.2.3. Chia ông **Ngụy Xuân T2**: Diện tích 75,6m² đất ONT trong diện tích đất 378m² tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** có tứ cận:

- + Phía Tây giáp đất của ông **Ngụy Văn T1** được chia dài 14,67m;
- + Phía Đông giáp đất của bà **Ngụy Thị H** được chia dài 14,93m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 5,11m;
- + Phía Nam giáp thửa 189 dài 5,11m;

2.2.4. Chia bà **Ngụy Thị H**: Diện tích 75,6m² đất ONT trong diện tích đất 378m² tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** có tứ cận:

- + Phía Tây giáp đất của ông **Ngụy Xuân T2** được chia dài 14,93m;
- + Phía Đông giáp diện tích đất của bà **Ngụy Thị L1** được chia dài 15,19m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 5,02m;
- + Phía Nam giáp thửa 189 dài 5,03m;

2.2.5. Chia bà **Ngụy Thị L1**: Diện tích 75,6m² đất ONT trong diện tích đất 378m² tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** có tứ cận:

- + Phía Tây giáp diện tích đất của bà **Ngụy Thị H** được chia dài 15,19m;
- + Phía Đông giáp thửa 147 dài 5,19 m và giáp thửa 148 dài 10,25m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 4,78m;
- + Phía Nam giáp thửa 189 dài 4,89m;

Do bà **Ngụy Thị L1** đã chết nên giao kỹ phần thừa kế mà bà **L1** được hưởng cho anh **Giáp Văn K**, chị **Giáp Thị H1** và anh **Giáp Văn C** quản lý.

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo Bản án)

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản giữa các đương sự, chi phí tố tụng, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 30/5/2024 bị đơn bà **Nguyễn Thị H** có đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị cấp phúc thẩm thu thập lại hồ sơ vụ án, ý kiến, chứng cứ từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để đảm bảo quyền lợi cho bà.

Ngày 25/5/2024 anh **Giáp Văn C** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà **Nguyễn Thị L1**, chị **Giáp Thị H1** là người kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà **Nguyễn Thị L1** cùng có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm giao hồ sơ cho Tòa án **thị xã D** xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 18/9/2024 bị đơn bà **H** cho rằng diện tích tăng thêm so với bản đồ địa chính năm 1986 là do mẹ bà cụ Lới san lấp, lấn cấp, do vậy Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ yêu cầu của bà **H**.

Tại phiên tòa ngày 26/9/2024, bà **Nguyễn Thị H** giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Anh **Giáp Văn C** và chị **Giáp Thị H1** thay đổi nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chia di sản thừa kế mà mẹ của anh **C**, chị **H1** được hưởng vào phần diện tích đất có ngôi nhà, vì hiện tại anh **C** ở trên thửa đất đó đã lâu hiện không có chỗ ở khác và có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho kỳ phần khác. Chị **Giáp Thị H1** tự nguyện tặng phần di sản chị được hưởng của mẹ chị anh **C**.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh **C** có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xác định di sản thừa kế của cụ **T3** và cụ **L2** là diện tích 663m² đất tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam**, không phải là diện tích như cấp sơ thẩm đã tuyên vì theo bản đồ 1986 diện tích chỉ có 663m². Năm 1987 cụ **T3** chết, diện tích đất tăng thêm là của cụ **L2** tạo dựng. Hiện tại anh **C** là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất, cấp sơ thẩm tuyên giao cho ông **T** được hưởng phần di sản của cụ **T3** là không đúng nên đề nghị giao cho anh **C** là người đang quản lý được hưởng phần di sản của cụ **T3**.

Đối với ngôi nhà hai tầng trên đất, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ có căn cứ xác định ngôi nhà đó là của cụ **L2** xây dựng, cấp sơ thẩm tuyên ngôi nhà do ông **T** xây dựng là không có căn cứ. Về cây cối trên đất, quá trình giải quyết cấp sơ thẩm đã tiến hành định giá nhưng khi tuyên án cấp sơ thẩm không phân chia là thiếu sót. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm xét xử lại.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với kháng cáo của bà H, anh C, chị H1 không có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên tại giai đoạn phúc thẩm bà **Nguy Thị H2** là người cao tuổi, anh **Giáp Văn C** là hộ nghèo và đều có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, thì bà **H2**, anh **C** thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị **Giáp Thị H1** tự nguyện tặng phần chị được hưởng từ mẹ chị cho anh **C**, đề nghị Hội đồng ghi nhận sự tự nguyện này của chị **H1**.

Về án phí phúc thẩm: bà **H2**, chị **H1**, anh **C** không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Tố tụng: Đơn kháng cáo của bà **Nguy Thị H**, anh **G** văn **C**, chị **Giáp Thị H1** trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị **H1** và anh **C** thay đổi nội dung kháng cáo, xét thấy việc thay đổi nội dung kháng cáo của chị **H1**, anh **C** phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà **H**, chị **H1**, anh **C** và quan điểm của Trợ giúp viên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh **C** thấy:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm anh **C** đều xác định vào năm 2012 anh đến ở nhờ nhà của cụ **L2** từ đó đến nay. Lời khai của ông **T**, ông **T2**, ông **T1**, bà **H** cũng đều xác định sau khi cụ **L2** chết khoảng một năm thì cho anh **C** là con bà **Nguy Thị L1** đến ở nhờ từ đó đến nay. Do vậy việc bà **H**, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh **C** cho rằng anh **C** là người đang trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất số 190, tờ bản đồ PL3 thôn **Đ**, xã **T**, nên là người được hưởng phần di sản của cụ **T3** đã hết thời hiệu là không có căn cứ chấp nhận.

Về nguồn gốc, diện tích của thửa đất số 190, tờ bản đồ PL3 thôn **Đ**, xã **T**, thị xã **D**, tỉnh Hà Nam: Căn cứ vào bản đồ địa chính xã **Đ** (nay là **T**) năm 1986 thể hiện tại tờ bản đồ số 03, thửa đất số 807, diện tích 663m² (trong đó thổ cư 253m², thổ canh 410m²) ghi tên **T3**.

Theo bản đồ địa chính xã Đ lập năm 1989, thể hiện tại tờ bản đồ số 03, thửa đất số 807, diện tích 663m² (trong đó thổ cư 253m², thổ canh 410m²) ghi tên T3.

Theo bản đồ hiện trạng xã Đ đo đạc năm 2004, thể hiện tại tờ bản đồ PL 03, thửa số 190, diện tích 756m² (trong đó thổ cư 337m², thổ canh 419m²) ghi tên L2.

Tại biên bản làm việc ngày 20/9/2024 với Phòng tài nguyên và môi trường thị xã D và với Ủy ban nhân dân xã T đều xác định hộ gia đình cụ Trần Thị L2 thuộc trường hợp đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích tăng thêm không phải do lấn chiếm, vượt lập, do trước đây sai số khi đo đạc. Diện tích được công nhận cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 756m², không phải nộp tiền sử dụng đất. Do vậy việc bà H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C cho rằng di sản thừa kế của cụ T3, cụ L2 chỉ có 663m², còn diện tích tăng thêm 93m² là của cụ L2 tạo dựng sau khi cụ T3 chết năm 1987 là không có căn cứ. Di sản thừa kế của cụ T3 và cụ L2 là thửa đất số 190, tờ bản đồ PL 03, diện tích 756m² như cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ.

Đối với tài sản trên đất là ngôi nhà mái bằng bà H, anh C, chị H1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh C cho rằng đó là tài sản do tất cả các anh em đóng góp để xây dựng cho cụ L2 sinh sống không phải do một mình ông T xây dựng. Tuy nhiên căn cứ lời khai của ông T2, ông T1 tại phiên tòa và các tài liệu có trong hồ sơ có căn cứ xác định ngôi nhà mái bằng trên do ông T bỏ tiền ra xây dựng, anh em không phải đóng góp gì.

Về tài sản là cây cối trên đất, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm nguyên đơn đề nghị khi chia di sản của bố mẹ thì cây cối vào phần của ai thì người đó được hưởng không đề nghị Tòa giải quyết. Do vậy cấp phúc thẩm không xem xét.

Từ những phân tích nêu trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, kháng cáo của anh Giáp Văn C và chị Giáp Thị H1.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Giáp Thị H1 tự nguyện tặng cho phần di sản chị được hưởng thế vị của bà Nguyễn Thị L1. Xét thấy việc tặng cho của chị H1 là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi, anh Giáp Văn C là hộ cận nghèo đều có đơn xin miễn án phí, nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà H, anh C.

Yêu cầu kháng cáo của chị **H1** không được cấp phúc thẩm chấp nhận nên chị **H1** phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên do sửa án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm cho bà **Nguyễn Thị H** và anh **Giáp Văn C** nên chị **H1** không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp kháng cáo của bà **Nguyễn Thị H**, anh **G** văn **C** và chị **Giáp Thị H1**.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 22/5/2024 của Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam về phần án phí.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật dân sự; Điều 167 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Chấp nhận yêu cầu xem xét thời hiệu thừa kế của nguyên đơn là ông **Nguyễn Đoàn T**:*

1.1. Xác định phần di sản thừa kế cụ **Nguyễn Văn T3** (chết năm 1987) là diện tích đất 378m² ONT tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** đã hết thời hiệu chia thừa kế có tứ cận cụ thể:

- + Phía Tây giáp đường thôn dài 11,43m + 1,20m;
- + Phía Đông giáp phần đất thừa kế của cụ **L2** giao cho ông **T** 14,45m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 27,48m;
- + Phía Nam giáp thửa 191 dài 28,33m;

1.2. Giao cho ông **N1 Đoàn T** là người thừa kế đang quản lý thửa đất 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T** được quản lý sử dụng 378m² đất có tứ cận như điểm 1.1 nêu trên; tài sản trên đất gồm 01 nhà mái bằng diện tích 55,2m²; 01 sân lát gạch; trụ công; 01 mái tôn; 01 bể nước; 01 nhà vệ sinh.

2. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn là ông **Nguyễn Đoàn T** đối với bị đơn là bà **Nguyễn Thị H** về việc chia di sản thừa kế của cụ **Trần Thị L2** và kỹ phần thừa kế của bà **Nguyễn Thị N**.*

2.1. Xác định phần di sản của cụ **Trần Thị L2** để chia thừa kế là diện tích đất 378m² ONT tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** trị giá 1.323.000.000đ có tứ cận cụ thể:

- + Phía Tây giáp phần đất hết thời hiệu chia thừa kế của cụ **Tương** 14,45m;

- + Phía Đông giáp thửa 147 dài 5,19m và giáp thửa 148 dài 10,25m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 25,18m;
- + Phía Nam giáp thửa 191 dài 7,71m và giáp thửa 189 dài 17,57m;

2.2. Về phân chia di sản thừa kế: Phần di sản của cụ **L2** và kỹ phần thừa kế của bà **N** được chia cho các đồng thừa kế như sau:

2.2.1. Chia ông **Ngụy Đoàn T**: Diện tích 75,6m² đất ONT trong diện tích đất 378m² tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** có tứ cận:

- + Phía Tây giáp đất đã hết thời hiệu chia thừa kế của cụ **Ngụy Văn T3** 14,45m;
- + Phía Đông giáp đất của ông **Ngụy Văn T1** được chia dài 14,85m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 5,15m;
- + Phía Nam giáp thửa 191 dài 5,16m;

2.2.2. Chia ông **Ngụy Văn T1**: Diện tích 75,6m² đất ONT trong diện tích đất 378m² tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** có tứ cận:

- + Phía Tây giáp đất của ông **Ngụy Đoàn T** được chia dài 14,85m;
- + Phía Đông giáp đất của **Ngụy Xuân T2** được chia dài 14,67m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 5,12m;
- + Phía Nam giáp thửa 191 dài 2,55m + 0,50m và giáp thửa 189 dài 2,54m;

2.2.3. Chia ông **Ngụy Xuân T2**: Diện tích 75,6m² đất ONT trong diện tích đất 378m² tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** có tứ cận:

- + Phía Tây giáp đất của ông **Ngụy Văn T1** được chia dài 14,67m;
- + Phía Đông giáp đất của bà **Ngụy Thị H** được chia dài 14,93m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 5,11m;
- + Phía Nam giáp thửa 189 dài 5,11m;

2.2.4. Chia bà **Ngụy Thị H**: Diện tích 75,6m² đất ONT trong diện tích đất 378m² tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** có tứ cận:

- + Phía Tây giáp đất của ông **Ngụy Xuân T2** được chia dài 14,93m;
- + Phía Đông giáp diện tích đất của bà **Ngụy Thị L1** được chia dài 15,19m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 5,02m;
- + Phía Nam giáp thửa 189 dài 5,03m;

2.2.5. Chia bà **Ngụy Thị L1**: Diện tích 75,6m² đất ONT trong diện tích đất 378m² tại thửa 190 phụ lục 03 **thôn Đ, xã T, thị xã D, tỉnh Hà Nam** có tứ cận:

- + Phía Tây giáp diện tích đất của bà **Ngụy Thị H** được chia dài 15,19m;
- + Phía Đông giáp thửa 147 dài 5,19 m và giáp thửa 148 dài 10,25m;
- + Phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 4,78m;

+ Phía Nam giáp thửa 189 dài 4,89m;

Do bà **Nguyễn Thị L1** đã chết nên giao kỹ phần thừa kế mà bà **L1** được hưởng cho anh **Giáp Văn K**, chị **Giáp Thị H1** và anh **Giáp Văn C** quản lý. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **Giáp Thị H1** tặng cho anh **Giáp Văn C** phần của chị được hưởng trong kỹ phần thừa kế bà **Nguyễn Thị L1** được chia.

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo Bản án)

3. Cơ quan chuyên môn về đất đai của **thị xã D** có trách nhiệm điều chỉnh các diện tích đất các đương sự được chia khi đương sự có yêu cầu.

4. Về thanh toán giá trị tài sản cho các đương sự khác:

4.1. Buộc ông **Nguyễn Đoàn T** phải thanh toán cho anh **Giáp Văn C** 01 mái hiên lợp tôn trị giá 1.647.360đ; 01 cửa xếp trị giá 2.000.000đ; 01 cửa kính chính trị giá 2.000.000đ; 01 cửa kính cửa ngách trị giá 1.500.000đ. Tổng cộng 7.147.360đ (Bảy triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm sáu mươi đồng).

4.2. Buộc ông **Nguyễn Đoàn T**, ông **Nguyễn Văn T1** và ông **Nguyễn Xuân T2** phải thanh toán cho anh **Giáp Văn C** giá trị 01 chuồng bò mái lợp fibroximăng là 5.986.000đ. Theo đó, ông **T**, ông **T1** và ông **T2** mỗi ông phải thanh toán cho anh **C** số tiền 1.995.000đ (Một triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

5. Về án phí và chi phí tố tụng:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các ông **Nguyễn Đoàn T**, ông **Nguyễn Văn T1**, ông **Nguyễn Xuân T2** và bà **Nguyễn Thị H**, anh **Giáp Văn C**.

Anh **K**, chị **H1** mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.410.000đ.

- *Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản*: Buộc ông **Nguyễn Văn T1**, ông **Nguyễn Xuân T2**, bà **Nguyễn Thị H** mỗi người phải trả cho ông **Nguyễn Đoàn T** số tiền là 600.000đ; anh **Giáp Văn K**, chị **Giáp Thị H1** và anh **Giáp Văn C** mỗi người phải trả cho ông **Nguyễn Đoàn T** số tiền là 200.000đ.

- *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Bà **Nguyễn Thị H** anh **Giáp Văn C**, chị **Giáp Thị H1** không phải nộp. Trả lại cho bà **H**, anh **C**, chị **H1** số tiền dự phí 300.000đ bà **H**, anh **C**, chị **H1** đã nộp theo biên lai số 0001123 ngày 06/6/2024, số 0001126 ngày 07/6/2024, số 0001125 ngày 07/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên. Bà **H**, anh **C**, chị **H1** đã nộp đủ.

6. *Bác các yêu cầu khác của các đương sự.*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn San